

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 21/02/2022
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**

Địa chỉ: 428 Lê Đại H, phường Y, thành phố P, tỉnh G (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng D** và bà **Vũ Thị H**

Địa chỉ: Thôn T, xã Ia, huyện I, tỉnh G (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phan Thị H**

Địa chỉ: 428 Lê Đại H, phường Y, thành phố P, tỉnh G (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Từ năm 2014 – 2015 ông và vợ là bà Phan Thị H cho ông Nguyễn Trọng D và bà Vũ Thị H vay tiền nhiều lần. Ngày 04/9/2019 ông D, bà H và vợ, chồng ông có lập biên bản thỏa thuận với nội dung: Ông D và bà H nợ ông số tiền 170.000.000đ, ngày 31/12/2021 sẽ trả 10.000.000đ, số tiền còn lại ông D và bà H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho ông lô đất ở xã Ia để cầm trừ

nợ. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2019 ông D và bà H chỉ trả cho vợ, chồng ông được 10.000.000đ, số tiền còn lại ông D và bà H không trả cho ông cũng như không thực hiện chuyển nhượng lô đất cho ông như đã thỏa thuận. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H phải trả lại cho ông số tiền gốc còn lại là 160.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án. Bà Phan Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung, đề nghị áp dụng các điều 280, 288, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 160.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Do vậy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tài liệu nguyên đơn giao nộp gồm tờ giấy có tiêu đề “Biên bản thỏa thuận” lập ngày 04/9/2019 có viết và chữ ký của các bên thể hiện: Ngày 14/9/2019 bị đơn công nhận nợ của nguyên đơn số tiền 170.000.000đ; bị đơn cam kết ngày 31/12/2019 sẽ trả cho nguyên đơn 10.000.000đ, số tiền còn lại bị đơn sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để cản trừ nợ. Tuy nhiên khi đến hạn, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 10.000.000đ, số tiền còn lại bị đơn không trả cũng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ dân sự nên phải chịu trách nhiệm đối với nguyên đơn theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại 160.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi: Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại “Biên bản thỏa thuận” các bên có thống nhất thời gian thực hiện nghĩa vụ nhưng không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Do vậy cần áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả là: $160.000.000đ \times 10\%/năm \times \text{thời gian chậm trả từ ngày } 01/01/2020 \text{ đến ngày } 21/02/2022 = 34.323.287đ$.

Tổng cộng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền gốc $160.000.000đ + 34.323.287đ = 194.323.287đ$.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là $194.323.287đ \times 5\% = 9.716.164đ$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 288, 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Buộc ông Nguyễn Trọng D và bà Vũ Thị H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị H $160.000.000đ$ tiền nợ gốc và $34.323.287đ$ tiền lãi, tổng cộng là **194.323.287đ** (*một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng D và bà Vũ Thị H phải chịu **9.716.164đ** (*chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm nộp án phí là **4.840.000đ** (*bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn*) theo biên lai thu số 0012020 ngày 13/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công